TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **34**/2023/HNGĐ-ST Ngày 24/8/2023. *" V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Lê Thị Huyền Diệu.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

- *Thư ký phiên toà:* Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:* Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 130/2023/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2023 về "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H R Êban, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 89 Đội 3, Buôn P, Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Y K Niê, sinh năm 1973. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn Q, Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà H R Êban trình bày:

Bà và ông Y K Niê tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới, không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2006 đến nay thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự của nhau. Ông Y K Niê thường xuyên uống rượu, say xỉn không chăm lo hạnh phúc gia đình. Và vợ chồng bắt

đầu sống ly thân năm 2011 cho đến nay. Nguyện vọng của bà H R Êban yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà H R Êban và ông Y K Niê không là vợ chồng.

Về con chung: vợ chồng H R Êban và ông Y K Niê có 03 con chung gồm cháu Y Q Êban, sinh năm 1997; H Đ Êban, sinh năm 1999 và cháu Y- G Êban, sinh ngày 26/11/2005. Đối với hai cháu lớn đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Y- G Êban, sinh ngày 26/11/2005, hiện đang do bà H R Êban trực tiếp nuôi dưỡng nên sau khi tòa án tuyên bố không là vợ chông thì bà H R Êban có nguyện vọng được nuôi cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Y K Niê cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Y K Niê trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung thì ông Y K Niê đồng ý với lời khai của bà H R Êban.

Về mâu thuẫn gia đình hiện tại vợ chồng ông bà không chung sống với nhau và hạnh phúc gia đình không đạt được.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Y- G Êban, sinh ngày 26/11/2005 bà H R Êban trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của H R Êban.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H R Êban và ông Y K Niê.

Về con chung: Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Hiện hai cháu Y Q Êban, sinh năm 1997; H Đ Êban, sinh năm 1999 đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nhận thỏa thuận giữa bà H R Êban và ông Y K Niê: giao Cháu Y- G Êban, sinh ngày 26/11/2005 cho bà bà H R Êban trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Y Cai đủ 18 tuổi.

Về án phí: Bà H R Êban phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Y K Niê có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Y K Niê là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H R Êban và ông Y K Niê tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông Y K Niê thường xuyên uống rượu, say sỉn không chăm lo hạnh phúc gia đình. Quá trình xác minh tại địa phương nơi bà H R Êban và ông Y K Niê sinh sống thì ông bà chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Hơn nữa, bà H R Êban và ông Y K Niê có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, bà H R Êban đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố bà và ông Y K Niê không là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H R Êban và ông Y K Niê có ba con chung gồm: cháu Y Q Êban, sinh năm 1997; H Đ Êban, sinh năm 1999 và cháu Y- G Êban, sinh ngày 26/11/2005. Hiện hai cháu Y Q Êban và cháu H Đ Êban đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết. Đối với cháu Y- G Êban, sinh ngày 26/11/2005 chưa đủ 18 tuổi, hiện đang sinh sống trực tiếp cùng mẹ là bà H R Êban. Xét sự thỏa thuận của bà H R Êban và ông Y K Niê là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp và dựa trên nguyện vọng của cháu Y- G Êban nên cần giao cháu Y- G Êban, sinh ngày 26/11/2005 cho bà H R Êban trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận sự thỏa thuận trên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H R Êban không yêu ông cầu ông Y K Niê cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề ra để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H R Êban và ông Y K Niê không yêu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà H R Êban phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H R Êban.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa H R Êban và ông Y K Niê là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà H R Êban và ông Y K Niê về con chung: Giao cháu Y- G Êban, sinh ngày 26/11/2005 cho bà H R Êban trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H R Êban không yêu cầu ông Y K Niê phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Bà H R Êban phải chịu 300.000 đồng án hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0014125 ngày 27/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM’gar;
- Thi hành án dân sự CưM’gar;
- UBND TT Ea Pốk;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu